TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG** Bản án số:72/2018/HNGĐ-ST Ngày:22-11-2018. V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp thực hiện nghĩa vụ dân sự.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kỳ Vũ

2. Ông Võ Văn Bằng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Ông Lê Trung Hiếu -Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 và ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:148/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp thực hiện nghĩa vụ dân sự theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:69/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*: Nguyễn Thị Thùy T**, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Lưu L – Luật sư của Văn phòng Luật sư L – Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

***2. Bị đơn*: Lê Văn Minh N**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Đặng Thị T, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3.2 Nguyễn Thiện T, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/7/2018, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn Minh N sống chung với nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/9/2005. Đến khoảng đầu năm 2009, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh N quan hệ không lành mạnh với người phụ nữ khác, không lo làm ăn, cờ bạc, nhiều lần cố ý xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị và cha mẹ chị, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm đến tháng 6 năm 2011 vợ chồng ly thân cho đến nay. Chị nhận thấy mâu thuẫn giữa chị và anh N ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân nên chị yêu cầu được ly hôn anh Lê Văn Minh N.

Về con chung: Chị và Lê Văn Minh N có một đứa con chung tên là Lê Ngọc V, sinh ngày 11/01/2008. Hiện nay cháu đang sống chung với anh N. Khi ly hôn chị đồng ý để anh N trực tiếp nuôi con, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và Lê Văn Minh N không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Theo tờ tự khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn Minh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận quan hệ hôn nhân như chị T trình bày là đúng. Anh thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị T có mâu thuẫn, cự cải nên anh chị đã không còn sống chung khoảng 7 năm nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh thừa nhận chị T khai là đúng. Trường hợp ly hôn anh đồng ý trực tiếp nuôi con chung, đồng ý mức cấp dưỡng mỗi tháng 500.000đồng do chị T tự nguyện thực hiện.

Về tài sản chung: Anh và chị T không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị T có nợ bà Đặng Thị T số tiền 62.000.000đồng và nợ ông Nguyễn Thiện T số tiền 30.000.000đồng. Khi ly hôn anh yêu cầu chị T liên đới với anh trả số nợ này.

Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T trình bày:

Ngày 05/9/2012 (âm lịch), anh Lê Văn Minh N và chị Nguyễn Thị Thùy T có vay của bà số tiền 34.800.000đồng, lãi thỏa thuận 2%/tháng, khi vay có làm giấy mượn tiền và hứa 03 tháng trả nhưng đến nay không trả. Nay bà yêu cầu anh Lê Văn Minh N và chị Nguyễn Thị Thùy T trả cho bà số tiền vay 34.800.000đồng và số tiền lãi 46.632.000đồng, tổng cộng là 81.432.000đồng, yêu cầu trả một lần và tính lãi đến khi Tòa án giải quyết.

Theo đơn khởi kiện ngày 13/8/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thiện Tâm trình bày:

Ngày 22/02/2012 ông có giới thiệu cho anh Lê Văn Minh N và chị Nguyễn Thị Thùy T vay vốn của Quỹ hỗ trợ Nông dân Trung ương, số tiền vay 25.000.000đồng, lãi suất 0,65%/tháng, thời gian vay 24 tháng (22/02/2012 đến 22/02/2014) nhưng đến hạn anh Lê Văn Minh N và chị Nguyễn Thị Thùy T không thanh toán theo hợp đồng vay vốn cho Quỹ hỗ trợ Nông dân tỉnh Tiền Giang nên ông phải vay tiền ngân hàng để trả thay cho anh N và chị T số tiền 25.000.000đồng và lãi phát sinh cho Quỹ hỗ trợ Nông dân. Nay ông yêu cầu anh Lê Văn Minh N và chị Nguyễn Thị Thùy T liên đới trả cho ông số tiền 25.000.000đồng và số tiền lãi 12.106.000đồng (lãi tính đến ngày 13/8/2018), tổng cộng là 37.106.000đồng.

Theo tờ tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Chị không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Thiện T vì chị không biết gì về số nợ giữa anh N và bà T, ông T, ngoài ra từ thời điểm tháng 6/2011 chị và anh N đã không còn sống chung.

Theo tờ tự khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn Minh N trình bày:

Anh thừa nhận anh và chị T có vay tiền của bà Đặng Thị T và thừa nhận số tiền vay của bà T số tiền 34.800.000đồng; ngoài ra cuối năm 2011, anh và chị T có nợ của ông Nguyễn Thiện T số tiền 25.000.000đồng, số tiền đó sử dụng vào việc trả tiền công thợ may ở xưởng may của anh và chị T quản lý. Nay bà T và ông T yêu cầu anh và chị T trả số tiền còn nợ anh đồng ý.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Văn Minh N, chị đồng ý để anh N trực tiếp nuôi con, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đồng; đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Thiện T chị không đồng ý.

Bị đơn anh Lê Văn Minh N vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thiện T giữ nguyên yêu cầu độc lập về việc yêu cầu anh Lê Văn Minh N và chị Nguyễn Thị Thùy T trả số tiền vay 25.000.000đồng và tiền phí 4.800.000đồng, tổng cộng là 29.800.000đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất quy định pháp luật từ tháng 02/2014 cho đến thời điểm nộp đơn khởi kiện là tháng 8/2018.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T là ông Bùi Lưu L đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận anh N, chị T thuận tình ly hôn, ghi nhận sự thỏa thuận nuôi con và thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con của anh N và chị T và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi

kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T, ông Nguyễn Thiện T về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Thùy T liên đới với anh Lê Văn Minh N trả nợ cho bà T và ông T.

Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với Lê Văn Minh N, ghi nhận sự thỏa thuận của anh N và chị T về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Đặng Thị T, buộc anh Lê Văn Minh N trả cho bà T số tiền 81.432.000đồng; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Thiện T, buộc anh Lê Văn Minh N trả cho ông T số tiền 25.000.000đồng và tiền phí 4.800.000đồng, tổng cộng là 29.800.000đồng và số tiền lãi theo mức lãi suất quy định pháp luật tính từ tháng 02/2014 đến tháng 8/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, pháp luật áp dụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T tranh chấp ly hôn với bị đơn Lê Văn Minh N nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; bà Đặng Thị T yêu cầu anh Lê Văn Minh N và chị Nguyễn Thị Thùy T trả tiền vay, thời điểm thực hiện giao dịch vay tiền là năm 2012 nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005; ông Nguyễn Thiện T yêu cầu anh Lê Văn Minh N và chị Nguyễn Thị Thùy T trả số tiền ông T đã trả nợ thay cho anh N và chị T, thời điểm ông Tâm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay là năm 2014 nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ dân sự theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2005. Bị đơn anh Lê Văn Minh N có nơi cư trú tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3, khoản 14 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn anh Lê Văn Minh N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố

tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Văn Minh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Lê Văn Minh N sống chung năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/9/2005 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình sống chung giữa anh, chị xảy ra mâu thuẫn thường xuyên cự cải, nguyên nhân mâu thuẫn chị T cho rằng anh N quan hệ không lành mạnh với người phụ nữ khác, không lo làm ăn, cờ bạc, nhiều lần cố ý xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị và cha mẹ chị nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2011 đến nay; anh N cho rằng anh và chị T có mâu thuẫn, cự cải nên anh chị đã không còn sống chung khoảng 7 năm nay. Quá trình ly thân anh, chị hoàn toàn không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa chị T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh N và anh N cũng đồng ý ly hôn với chị T, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh N đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy T.

[4] Về con chung: Anh N và chị T có một đứa con chung tên là Lê Ngọc V, sinh ngày 11/01/2008. Khi ly hôn anh N, chị T thỏa thuận anh N trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận về việc nuôi con chung của anh N, chị T là tự nguyện nên ghi nhận, giao con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Thùy T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng: Anh N, chị T thỏa thuận chị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 500.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con chung của anh N, chị T là tự nguyện nên ghi nhận, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Lê Ngọc V, sinh ngày 11/01/2008 mỗi tháng 500.000đồng, thực hiện cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Lê Ngọc V đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

[6] Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T: Bà T yêu cầu anh Lê Văn Minh N và chị Nguyễn Thị Thùy T trả số tiền vay và lãi 81.432.000đồng, chị T không thừa nhận số nợ này và bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền vay này là nợ chung của chị T với anh N nên việc bà T yêu cầu chị T liên đới với anh N trả nợ cho bà là không có căn cứ; anh N cho rằng số nợ này là nợ chung của anh và chị T nhưng anh không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình là có căn cứ nên ý kiến này của anh N không được chấp nhận. Anh N thừa nhận có vay tiền của bà T và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc anh Lê Văn Minh N trả cho bà T số tiền 81.432.000đồng. Về lãi: Bà T yêu cầu tính lãi đến thời diểm xét xử nhưng bà không yêu cầu cụ thể mức lãi suất là bao nhiêu và căn cứ tính lãi nên Hội đồng

xét xử không xem xét yêu cầu này, nếu sau này có tranh chấp về số tiền lãi sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[8] Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thiện T: Ông T yêu cầu anh Lê Văn Minh N và chị Nguyễn Thị Thùy T trả số tiền ông đã trả nợ thay cho vợ chồng anh N, chị T là 29.800.000đồng và tiền lãi tính theo quy định pháp luật từ tháng 02/2014 đến tháng 8/2018. Hội đồng xét xử xét thấy ông T căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã P ngày 15/12/2011 (bút lục số 61) thể hiện họ tên người vay là anh Lê Văn Minh N, người thừa kế là chị Nguyễn Thị Thùy T đề nghị Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Tiền Giang cho vay số tiền 25.000.000đồng và căn cứ hợp đồng vay vốn ngày 22/02/2012 (bút lục số 63-64) thể hiện anh Lê Văn Minh N có vay của Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Tiền Giang số tiền 25.000.000đồng để xác định đây là nợ chung của anh N, chị T và yêu cầu chị T liên đới với anh N trả số tiền 29.800.000đồng và tiền lãi cho ông là không có căn cứ bởi lẽ hợp đồng vay vốn ngày 22/02/2012 thể hiện người vay là anh Lê Văn Minh N và phiếu chi ngày 22/02/2012 (bút lục 59) thể hiện người nhận tiền vay là anh Lê Văn Minh N, đối với giấy đề nghị vay vốn ngày 15/12/2011 tuy có chữ ký của chị T nhưng ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh giấy đề nghị vay vốn này là căn cứ để xác lập hợp đồng vay vốn ngày 22/02/2014; mặt khác, việc ông T thực hiện việc trả tiền vay thay cho người vay là anh N cũng không có văn bản thỏa thuận việc chuyển giao nghĩa vụ hoặc văn bản thỏa thuận thực hiện thay nghĩa vụ trả nợ vay nên yêu cầu của ông T về việc buộc chị T liên đới với anh N trả số tiền 29.800.000đồng và số tiền lãi cho ông là không có căn cứ. Anh N cho rằng số nợ này là nợ chung của anh và chị T nhưng anh không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình là có căn cứ nên ý kiến này của anh N không được chấp nhận. Anh N thừa nhận việc ông T đã trả nợ thay cho anh nên anh N phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông T số tiền ông T đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh, căn cứ Công văn số 31-CV/HNDT ngày 20/11/2018 của BCH HND tỉnh Tiền Giang về việc thu vốn gốc và phí dự án Quỹ HTND đến hạn xác nhận số tiền ông T đã thanh toán thay cho anh N tổng cộng là 29.800.000đồng (bao gồm số tiền vay 25.000.000đồng và tiền phí 4.800.000đồng) nên anh N phải trả cho ông T số tiền 29.800.000đồng. Về lãi: Ông Nguyễn Thiện T yêu cầu trả số tiền lãi theo mức lãi suất quy định pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy anh Nhựt chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ Luật dân sự năm 2005, thời điểm anh N vi phạm nghĩa vụ trả tiền là tháng 02/2014 nên áp dụng mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm năm 2014 theo quyết định số 2868/QĐ-NHNNngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9%/năm (0,75%/ tháng). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc anh N phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất là 0,75%/tháng tính từ thời điểm anh N vi phạm nghĩa vụ trả tiền là tháng 02/2014 đến tháng 8/2018 là 54 tháng, thành tiền là 12.069.000đồng (29.800.000đồng x 0,75% x 54 tháng). Do vậy, tổng cộng số tiền vốn và lãi anh N phải trả cho ông T là 41.869.00đồng (29.800.000đồng + 12.069.000đồng), tuy nhiên theo đơn khởi

kiện ông T chỉ yêu cầu số tiền vốn và lãi là 37.106.000đồng là có lợi cho anh N. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thiện T, buộc anh Lê Văn Minh N trả cho ông Nguyễn Thiện T số tiền vốn và lãi là 37.106.000đồng.

[9] Về ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án và án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Lê Văn Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ về tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[12] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thùy T, anh Lê Văn Minh N, bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Thiện T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 280, Điều 290, Điều 471, Điều 474 và khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 3, khoản 14 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 6 Điều 26, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với anh Lê Văn Minh N.

Về con chung: Giao con chung Lê Ngọc V, sinh ngày 11/01/2008 cho anh Lê Văn Minh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Thùy T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng:

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Thùy T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Lê Ngọc V, sinh ngày 11/01/2008 mỗi tháng 500.000đồng, thực hiện cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Lê Ngọc V đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Kể từ ngày anh Lê Văn Minh N có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Nguyễn Thị Thùy T chậm thi hành việc cấp dưỡng nuôi con thì chị T còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T.

Buộc anh Lê Văn Minh N trả cho bà Đặng Thị T số tiền vay và lãi là 81.432.000đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Đặng Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Lê Văn Minh N chậm thi hành việc trả tiền thì anh N còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thiện T.

Buộc anh Lê Văn Minh N trả cho ông Nguyễn Thiện T số tiền 37.106.000đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Thiện T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Lê Văn Minh N chậm thi hành việc trả tiền thì anh N còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn, 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Thùy T đã nộp theo biên lai thu số 19387 ngày 13/7/2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước. Chị T còn phải nộp tiếp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Văn Minh N phải chịu 5.926.900đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ về tài sản.

Bà Đặng Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đặng Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 2.035.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 19447 ngày 21/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ông Nguyễn Thiện T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Thiện T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 777.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 19446 ngày 21/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

6. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Thùy T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lê Văn Minh N, bà Đặng Thị T, ông Nguyễn Thiện T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Án tuyên vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 22 tháng 11 năm 2018, có mặt đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T; vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Bùi Lưu L, bị đơn anh Lê Văn Minh N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T, ông Nguyễn Thiện T.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- UBND xã P, huyện T, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Thị Kim Hương